

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN - chi NSDP năm 2020

(Tài liệu phục vụ phiên họp HĐND tỉnh)

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tài chính ngân sách năm 2020 tỉnh Thanh Hóa diễn ra trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội bị ảnh hưởng; sản xuất kinh doanh bị đình trệ, nhất là trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, vận tải, du lịch từ đó ảnh hưởng đến nguồn thu của NSNN và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng sự nỗ lực cố gắng của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh cơ bản vẫn giữ ổn định, một số lĩnh vực có bước phát triển, tình hình thu chi NSNN năm 2020 cơ bản đảm bảo dự toán và đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

I. Kết quả thu NSNN trên địa bàn

Dự toán thu NSNN năm 2020 là 28.967 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm là 28.967 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

1. Thu nội địa: Dự toán giao 19.567 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm là 18.320 tỷ đồng, đạt 94% dự toán.

1.1. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán tỉnh giao là 4.770 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm là 6.900 tỷ đồng, đạt 145% dự toán.

Phân điều tiết NS tỉnh (sau khi loại trừ số ghi thu, ghi chi) dự kiến cả năm đạt 750/650 tỷ đồng, đạt 115% dự toán.

1.2. Thu xổ số kiến thiết: Dự toán thu là 15 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm là 22 tỷ đồng, đạt 147% dự toán.

1.3. Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số:

Dự toán giao thu 14.782 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 11.398 tỷ đồng, đạt 77% dự toán.

a) Có 7/13 lĩnh vực dự kiến đạt, vượt dự toán. Cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương: Ước thực hiện cả năm là 105 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện cả năm là 780 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

- Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện cả năm là 330 tỷ đồng, đạt 103% dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện cả năm là 55 tỷ đồng, đạt 122% dự toán.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện cả năm là 160 tỷ đồng, đạt 133% dự toán.

- Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia của nhà nước: Ước thực hiện cả năm là 13 tỷ đồng, đạt 130% dự toán.

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: Ước thực hiện cả năm là 128 tỷ đồng, đạt 160% dự toán.

b) Có 6/13 lĩnh vực dự kiến khó có khả năng hoàn thành dự toán năm:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương: Ước thực hiện cả năm là 1.485 tỷ đồng, đạt 85% dự toán.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện cả năm là 3.090 tỷ đồng, đạt 69% dự toán.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ước thực hiện cả năm là 1.800 tỷ đồng, đạt 86% dự toán.

- Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện cả năm là 1.120 tỷ đồng, đạt 42% dự toán.

- Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện cả năm là 730 tỷ đồng, đạt 81% dự toán.

- Thu khác: Ước thực hiện cả năm là 450 tỷ đồng, đạt 90% dự toán.

1.2. Các khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Dự toán thu năm 2020 là 9.400 tỷ đồng, Ước thực hiện cả năm là 10.647 tỷ đồng, đạt 113% dự toán. Kết quả thu chủ yếu do nhập khẩu dầu thô phục vụ dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, máy móc, thiết bị tạo tài sản cho các dự án,...

2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp

- Dự toán thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 13.832 tỷ đồng, trong đó, ngân sách cấp tỉnh là 7.523 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã là 6.309 tỷ đồng.

- Ước thực hiện cả năm: 15.219 tỷ đồng, đạt 110% dự toán (chủ yếu do đóng góp từ thu tiền sử dụng đất), trong đó, ngân sách cấp tỉnh là 6.358 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã là 8.861 tỷ đồng. Nếu loại trừ thu tiền SD đất, xổ số, GTGC tiền thuê đất thì phần thu cân đối ngân sách địa phương còn lại hụt thu 774 tỷ đồng, trong đó trung ương bù nguồn cải cách tiền lương 50%, số hụt thu cân đối 50% là 387 tỷ đồng.

(Chi tiết theo biểu số 1 đính kèm)

3. Tình hình thu ngân sách ở các huyện, thị xã, thành phố:

Tổng thu ngân sách khối huyện ước cả năm là 10.690 tỷ đồng, bằng 134% dự toán. Dự kiến 25/27 huyện, thị xã, thành phố hoàn thành dự toán thu trên địa bàn; còn lại 2 huyện dự kiến khó hoàn thành dự toán (TX Bim Sơn, Quan Hóa).

(Chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo)

4. Đánh giá chung tình hình thực hiện dự toán thu NSNN năm 2020

4.1. Thuận lợi

a) Tình hình kinh tế xã hội và công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

- Tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh đang từng bước được phục hồi và có chuyển biến tích cực; dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, nhiều doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động do dịch Covid-19 đã quay trở lại hoạt động.

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm phòng chống, ngăn chặn và hạn chế tác động của dịch Covid-19 đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, huy động được sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp vào công tác quản lý thu.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 về kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2020 làm cơ sở để các ngành, địa phương thực hiện các trình tự, thủ tục để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Tình hình xuất nhập khẩu

Hầu hết các mặt hàng xuất nhập khẩu có số thu lớn đều có mức tăng mạnh so với cùng kỳ, đặc biệt là mặt hàng dầu thô, hóa chất của Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn; máy móc thiết bị của Dự án Nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2, Công ty cổ phần Gang thép Nghi Sơn.

4.2. Khó khăn

a) Tác động của thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ

Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (nhằm hạn chế tác hại của bia rượu) đã tác động trực tiếp đến sản xuất và tiêu thụ bia rượu, kinh doanh ăn uống.

b) Tác động của dịch Covid-19

- Kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh chịu tác động của dịch Covid-19, đặc biệt là các lĩnh vực: Du lịch, thương mại, tiêu dùng, vận tải, kinh doanh xăng dầu... Doanh nghiệp có số thu ngân sách giảm lớn nhất là Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Dự báo thuế tiêu thụ đặc biệt từ Công ty giảm 1.640 tỷ đồng so với dự toán giao (3.760 tỷ đồng) do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nên sản lượng tiêu thụ gặp khó khăn; giá xăng giảm mạnh so với giá xây dựng được Bộ Tài chính giao¹.

- Các chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế của Quốc hội, Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giảm thu NSNN:

¹ Xăng A92 giá bán bình quân 10 tháng đầu năm là 10,9 triệu đồng/tấn, bằng 62,5% giá giao dự toán; xăng A95 giá bán 10,3 triệu đồng/tấn, bằng 60,9% giá giao dự toán.

+ Chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất ban hành theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

+ Chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí theo: Nghị định số 70/2020/NĐ-CP giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31/12/2020; Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về giảm tiền thuê đất năm 2020; Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN...

c) Việc áp dụng Thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ (GGU)

Bộ Tài chính chủ trương không chấp thuận cho Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn áp dụng Thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ (GGU) đối với kê khai, nộp thuế BVMT nên giao dự toán thuế BVMT của Công ty năm 2020 cho tỉnh Thanh Hóa là 1.416 tỷ đồng. Tuy nhiên hiện nay Công ty vẫn đang kê khai và nộp thuế BVMT theo cam kết Chính phủ GGU². Số thuế giảm do nộp theo GGU là 1.222 tỷ đồng.

II. Thực hiện chi ngân sách địa phương

1. Kết quả thực hiện

Tổng chi NSDP ước thực hiện cả năm là 37.003 tỷ đồng, đạt 105% dự toán (tăng 5% do nguồn Trung ương bổ sung kinh phí phòng chống dịch Covid-19 và tăng huy động nguồn thu từ đất để chi đầu tư phát triển).

Trong đó chi tiết các lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện cả năm là 9.013 tỷ đồng, đạt 129% dự toán giao đầu năm.

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện cả năm là 22.437 tỷ đồng, đạt 99% dự toán giao đầu năm.

- Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu: Ước thực hiện cả năm là 4.955 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao đầu năm.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: Dự toán năm là 3,23 tỷ đồng, thực hiện đạt 100% dự toán.

(Chi tiết theo biểu số 3 kèm theo)

2. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Chi từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu xử lý các vấn đề cấp bách trong năm. Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2020 là 359 tỷ đồng, Trung ương hỗ trợ 161 tỷ đồng; thực hiện đến ngày 18/11/2020

² UBND tỉnh đã có các văn bản số 14603/UBND-KTTC ngày 17/10/2019, số 17656/UBND-KTTC ngày 26/12/2019, số 1755/UBND-KTTC ngày 18/02/2020 gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị chỉ đạo giải quyết vướng mắc về kê khai, nộp thuế BVMT. Ngày 10/3/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 2661/BTC-TCT gửi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn yêu cầu Công ty thực hiện nộp thuế BVMT theo quy định hiện hành. Phúc đáp công văn của Bộ Tài chính, Công ty có văn bản số 242/2020/NSRP-HAC ngày 18/3/2020 và văn bản số 499/2020/NSRP-HAC ngày 26/6/2020, theo đó Công ty vẫn bảo lưu quan điểm nộp thuế theo GGU.

là 377 tỷ đồng. Các nhiệm vụ chi chủ yếu: Thực hiện phòng, chống dịch Covid-19; hỗ trợ các hộ sản xuất do lộn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện các dự án khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra;....

3. Đánh giá chung thực hiện dự toán chi NSDP

3.1. Kết quả đạt được

a) Chi đầu tư phát triển

Ngay từ đầu năm đã thực hiện phân bổ và thông báo vốn đầu tư XD/CB trong cân đối cho các dự án đủ điều kiện giao vốn, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có nguồn kinh phí để sớm triển khai thực hiện dự án.

Ngay sau khi giao kế hoạch vốn chi tiết cho các chương trình, dự án, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2020; trong đó nổi bật có quy định rõ về thời hạn giải ngân đối với từng nguồn vốn cụ thể để các cấp, các ngành và các chủ đầu tư làm căn cứ thực hiện, cụ thể: Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 03/02/2020 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 11/02/2020 về GPMB để thực hiện các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2020; Công văn số 6885/UBND-THKH ngày 29/5/2020 về việc tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án dự kiến khánh thành và chuẩn bị các điều kiện để khởi công các dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Công văn số 11356/UBND-THKH ngày 18/8/2020 về việc nâng cao trách nhiệm trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục của các dự án đầu tư công nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 trên địa bàn tỉnh...

b) Chi thường xuyên

- Chi ngân sách được tổ chức quản lý chặt chẽ và theo đúng các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đã được ban hành; bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng chế độ, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành.

- Đối với nhóm các chế độ, chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội: thực hiện giao ngay trong dự toán đầu năm để các địa phương chủ động thực các nhiệm vụ chi theo dự toán, góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn. Các chế độ tiền lương, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương bảo hiểm được thực hiện đầy đủ kịp thời, góp phần ổn định đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân, đối tượng bảo trợ xã hội được quan tâm giải quyết kịp thời, đúng quy định. Mười tháng đầu năm, đã cấp 1.995 ngàn thẻ BHYT cho các đối tượng, với kinh phí là 1.202 tỷ đồng; trợ cấp thường xuyên hằng tháng cho 208 ngàn đối tượng, với kinh phí là 3.500 tỷ đồng; hỗ trợ tiền điện cho 70 ngàn đối tượng, với kinh phí là 36 tỷ đồng;...

- Hỗ trợ mua đồ dùng dạy học tối thiểu lớp 1 thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới từ năm học 2020-2021 cho các trường tiểu học, TH&THCS chưa

được trang bị đồ dùng dạy học và mua sách giáo khoa cho thư viện các trường thuộc vùng khó khăn với tổng kinh phí 126.707 triệu đồng.

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí kịp thời cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh, góp phần thành công vào việc kiểm soát dịch Covid-19 của tỉnh. Tổng kinh phí đã chi đến ngày 12/11/2020 là 886 tỷ đồng; gồm: kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch theo Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ là 152 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ là 734 tỷ đồng.

3.2. Hạn chế, khó khăn

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên một số chính sách, nội dung không triển khai thực hiện được: Kinh phí hội khỏe Phù Đổng, Kinh phí tham dự hội nghị thường niên của Ủy ban di sản thế giới, Kinh phí chuyển giao kỹ thuật phát triển các dịch vụ y tế,...

Nhìn chung, hoạt động tài chính - ngân sách cả năm đã cơ bản đáp ứng được dự toán giao, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước các cấp./.

UBND TỈNH

Biểu 1
ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN NĂM 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				DỰ BÁO CẢ NĂM				TĂNG, GIẢM SO VỚI DT				SS ƯỚC CẢ NĂM VỚI DT (%)
		TỔNG	BAO GỒM			TỔNG	BAO GỒM			TỔNG	BAO GỒM			
			NSTW	NST	NSHX		NSTW	NST	NSHX		NSTW	NST	NSHX	
A	TỔNG THU NSNN	28.967.000	15.134.300	7.523.125	6.309.575	28.967.000	13.747.281	6.358.302	8.861.417		-1.387.019	-1.164.823	2.551.842	100%
I	THU NỘI ĐỊA	19.567.000	5.734.300	7.523.125	6.309.575	18.320.000	3.100.281	6.358.302	8.861.417	-1.247.000	-2.634.019	-1.164.823	2.551.842	94%
	Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số	14.782.000	5.734.300	6.288.125	2.759.575	11.398.000	3.100.281	5.386.302	2.911.417	-3.384.000	-2.634.019	-901.823	151.842	77%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.855.000		1.783.360	71.640	1.590.000		1.534.900	55.100	-265.000		-248.460	-16.540	86%
<i>a</i>	Thu từ khu vực DNNN trung ương	1.750.000		1.685.000	65.000	1.485.000		1.434.500	50.500	-265.000		-250.500	-14.500	85%
<i>b</i>	Thu từ khu vực DNNN địa phương	105.000		98.360	6.640	105.000		100.400	4.600			2.040	-2.040	100%
2	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	4.480.000	3.760.000	719.150	850	3.090.000	2.119.124	969.759	1.118	-1.390.000	-1.640.876	250.609	268	69%
3	Thu từ khu vực kinh tế NQD	2.100.000		1.073.853	1.026.147	1.800.000		878.394	921.606	-300.000		-195.459	-104.541	86%
4	Thuế thu nhập cá nhân	780.000		523.600	256.400	780.000		496.765	283.235			-26.835	26.835	100%
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.670.000	1.676.800	993.200		1.120.000	703.377	416.623		-1.550.000	-973.423	-576.577		42%
6	Lệ phí trước bạ	900.000		114.400	785.600	730.000		76.018	653.982	-170.000		-38.382	-131.618	81%
7	Thu phí, lệ phí	320.000	95.000	40.038	184.962	330.000	97.000	33.924	199.076	10.000	2.000	-6.114	14.114	103%
8	Các khoản thu về nhà, đất	5.737.000		1.968.591	3.768.409	8.107.000		1.644.265	6.462.735	2.370.000		-324.326	2.694.326	141%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	45.000		4.134	40.866	55.000		4.873	50.127	10.000		739	9.261	122%
-	Thu tiền sử dụng đất	4.770.000		1.220.000	3.550.000	6.900.000		950.000	5.950.000	2.130.000		-270.000	2.400.000	145%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	922.000		744.457	177.543	1.150.000		689.393	460.607	228.000		-55.064	283.064	125%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					2.000			2.000	2.000			2.000	
9	Thu tiền cấp quyền KTKS	120.000	52.500	10.153	57.347	160.000	53.564	43.200	63.236	40.000	1.064	33.047	5.889	133%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước	10.000		10.000		13.000		13.000		3.000		3.000		130%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	15.000		15.000		22.000		22.000		7.000		7.000		147%
12	Thu tại xã	80.000			80.000	128.000			128.000	48.000			48.000	160%
13	Thu khác ngân sách	500.000	150.000	271.780	78.220	450.000	127.216	229.454	93.330	-50.000	-22.784	-42.326	15.110	90%
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XNK	9.400.000	9.400.000			10.647.000	10.647.000			1.247.000	1.247.000			113%
B	THU NSDP	13.832.700		7.523.125	6.309.575	15.219.719		6.358.302	8.861.417	1.387.019		-1.164.823	2.551.842	110%
	Thu NSDP trừ tiền sử dụng đất, xổ số, GTGC tiền thuê đất	8.440.700		5.681.125	2.759.575	7.673.429		4.945.314	2.728.115	-774.271		-742.811	-31.460	91%

Biểu 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN , CHI NSDP NĂM 2020 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, TP

DVT: triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước			Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	ƯTH thu NSNN cả năm	SS ƯTH cả năm/DT	Dự toán NSHX tính giao	Ước thực hiện chi NS huyện 10 tháng	SS ước TH/DT (%)
	Tổng số	7.998.258	10.689.812	134%	17.949.876	18.737.532	104%
1	TP. Thanh Hóa	3.036.604	3.036.612	100%	1.919.528	2.490.747	130%
2	TP. Sầm Sơn	473.122	496.858	105%	591.351	602.333	102%
3	TX, Bìn Sơn	236.258	231.571	98%	243.768	256.667	105%
4	H. Hà Trung	241.370	312.306	129%	544.267	634.978	117%
5	H. Nga Sơn	313.943	580.027	185%	788.105	919.456	117%
6	H. Hậu Lộc	268.339	353.662	132%	801.965	882.161	110%
7	H. Hoằng Hóa	523.702	979.618	187%	1.178.841	1.336.020	113%
8	Quảng Xương	298.107	541.331	182%	799.430	666.197	83%
9	TX Nghi Sơn	312.032	544.962	175%	1.007.327	958.487	95%
10	Nông Cống	191.975	354.514	185%	687.088	709.991	103%
11	H. Đông Sơn	207.479	466.365	225%	437.258	480.984	110%
12	H. Triệu Sơn	280.210	450.084	161%	871.193	871.193	100%
13	H Thọ Xuân	315.088	382.370	121%	1.056.498	1.197.364	113%
14	H. Yên Định	304.824	539.122	177%	721.234	793.358	110%
15	H. Thiệu Hóa	176.701	362.630	205%	594.756	634.406	107%
16	H. Vĩnh Lộc	120.752	224.322	186%	429.485	443.801	103%
17	Thạch Thành	83.145	89.550	108%	669.129	494.000	74%
18	H. Cẩm Thủy	108.822	210.499	193%	513.364	496.252	97%
19	H. Ngọc Lặc	72.547	82.699	114%	621.115	621.115	100%
20	Như Thanh	118.224	154.538	131%	555.951	517.517	93%
21	Lạng Chánh	20.341	31.730	156%	349.040	286.080	82%
22	Bá Thước	46.451	88.712	191%	619.832	518.850	84%
23	Quan Hóa	82.165	80.573	98%	390.994	338.861	87%
24	Thường Xuân	82.165	79.412	177%	390.994	574.403	147%
25	Như Xuân	60.846	64.052	105%	447.419	395.493	88%
26	H. Mường Lát	10.726	16.073	150%	345.958	292.697	85%
27	H. Quan Sơn	12.320	15.032	122%	373.985	324.120	87%

Biểu 3

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

Đơn vị: Trđ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	SS UTH SO VỚI VỚI DT (%)
	TỔNG CHI NSDP	35.261.758	37.003.836	105%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	30.306.951	32.048.529	106%
I	Chi đầu tư phát triển	7.001.736	9.013.736	129%
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.950.736	8.962.736	129%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	30.000	30.000	100%
3	Chi đầu tư phát triển khác	21.000	21.000	100%
II	Chi thường xuyên	22.697.859	22.437.882	99%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.767.348	9.749.095	100%
2	Chi khoa học và công nghệ	124.566	104.566	84%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.618.671	2.644.267	101%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	358.379	357.302	100%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	537.914	437.914	81%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.366.396	2.465.896	104%
9	Chi quản lý hành chính	4.028.630	3.991.630	99%
10	Chi bảo đảm xã hội	1.627.296	1.804.284	111%
11	Chi Đề án XD chính quyền điện tử	500.000	114.269	23%
12	Các nội dung khác	768.659	768.659	100%
III	Chi trả nợ lãi vay	13.300	2.855	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.230	3.230	100%
V	Dự phòng ngân sách	590.826	590.826	100%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	4.954.807	4.955.307	100%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	2.523.503	2.524.003	100%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.839.170	1.839.170	100%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	592.134	592.134	100%

Biểu 4

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

ĐVT: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Quyết định		
		Số quyết định	Ngày ban hành	Số tiền
I	Dự toán			520.510
II	Nội dung thực hiện đến 18/11/2020			377.342
1	Phòng, chống dịch nCoV	453/QĐ-UBND	5/02/2020	37.706
2	Điều động phương tiện để phục vụ công tác khắc phục hậu quả thiên tai năm 2019	192/QĐ-UBND	15/02/2020	103
3	Khôi phục, phát triển SX cho ngư dân xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn	557/QĐ-UBND	17/02/2020	91
4	Phòng, chống dịch nCoV	580/QĐ-UBND	18/02/2020	2.656
5	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	831/QĐ-UBND	6/3/2020	3.500
6	Phòng, chống dịch nCoV	920/QĐ-UBND	16/3/2020	86
7	Hỗ trợ thiệt hại do lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu phi đến 06/02/2020	924/QĐ-UBND	17/3/2020	8.967
8	Phòng, chống dịch nCoV	1074/QĐ-UBND	27/3/2020	47.452
9	Khôi phục, phát triển SX cho ngư dân xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	1199/QĐ-UBND	6/4/2020	206
10	Phòng, chống dịch nCoV	1234/QĐ-UBND	8/4/2020	7.731
11	Hỗ trợ kinh phí cho các hộ dân bị ảnh hưởng do mưa lũ gây ra trên tuyến đường Hồi Xuân - Tén Tằn	1254/QĐ-UBND	9/4/2020	1.133
12	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	1314/QĐ-UBND	16/4/2020	19.000
13	Phòng, chống dịch nCoV	1342/QĐ-UBND	17/4/2020	17.870
14	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	1787/QĐ-UBND	20/5/2020	8.500
15	Huy động, nhân lực tàu thuyền dân sự để bảo vệ chủ quyền biển đảo	1897/QĐ-UBND	26/5/2020	3.022
16	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	1957/QĐ-UBND	1/6/2020	5.500
17	Khắc phục, sửa chữa đường tuần tra cơ động kết hợp kinh tế - xã hội từ Km42 đến mốc biên giới H5	3272/QĐ-UBND	13/8/2020	9.205
18	KP hỗ trợ ngư dân huyện Hậu Lộc gặp rủi ro do thiên tai trên biển	3550/QĐ-UBND	27/8/2020	79
19	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	3760/QĐ-UBND	11/9/2020	15.300

TT	Chỉ tiêu	Quyết định		
		Số quyết định	Ngày ban hành	Số tiền
20	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	3944/QĐ-UBND	18/9/2020	9.500
21	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	3931/QĐ-UBND	18/9/2020	4.700
22	Tạm cấp chi trả chế độ đặc thù theo NQ 37	4005/QĐ-UBND	22/9/2020	646
23	Thực hiện công tác phòng chống bệnh gia súc, gia cầm và thực hiện tháng hành động vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường	4047/QĐ-UBND	24/9/2020	3.946
24	Tạm cấp chi trả chế độ đặc thù theo NQ 37	4223/QĐ-UBND	6/10/2020	1.323
25	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	4321/QĐ-UBND	12/10/2020	7.000
26	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	4374/QĐ-UBND	15/10/2020	8.000
27	Hỗ trợ một số huyện KP xử lý khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra	4532/QDD-UBND	23/10/2020	28.800
28	Khắc phục hậu quả thiên tai do đợt mưa lũ từ ngày 27/8-03/9/2018 trên địa bàn huyện Mường Lát	4553/QĐ-UBND	23/10/2020	2.800
29	Xử lý khẩn cấp, khắc phục hư hỏng, đảm bảo giao thông bước 1 các đường do tình quản lý	4673/QĐ-UBND	2/11/2020	29.100
30	Phòng, chống dịch nCoV	4794/QĐ-UBND	6/11/2020	5.120
31	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	4806/QĐ-UBND	9/11/2020	45.900
32	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	5966/STC-QLNS.TTK	11/11/2020	23.500
33	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra trên địa bàn các huyện	6094/STC-QLNS.TTK	17/11/2020	18.900
III	Còn lại			143.168